

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:119/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2022
V/: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Trương Xuân Vũ;
- 2- Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thuỳ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2022/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị P** 34 tuổi

Địa chỉ: Thôn X 2- xã T- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lý Ngọc Kiều- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh **Vi Văn H** 36 tuổi

Địa chỉ: Thôn 3 V- xã Ph- huyện L- tỉnh Y, đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11-11-2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Thạch Thị P trình bày: Chị và anh Vi Văn H về sống chung năm 2011 do hai bên gia đình sắp đặt, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến năm 2018 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do anh H hay đánh đập, chửi bới chị. Cuộc sống không hạnh phúc, chị đã bỏ về bên ngoại được năm năm. Xác định tình cảm không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Thời gian chung sống chị và anh H có một con chung là Vi Thị Ph sinh ngày 16-01-2012, ly hôn chị để anh Vi Văn H trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Vi Văn H trình bày cơ bản như lời khai của chị P. Nay xác định không thể tiếp tục chung sống, anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung, khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu Vi Thị Ph, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Thời gian chung sống anh và chị P không có tài sản chung, không nợ của ai.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tình trạng quan hệ hôn nhân; điều kiện hoàn cảnh của các bên; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 9; điều 14; điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H; giao cháu Vi Thị Ph cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị P.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 9; điều 14; điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H; giao cháu Vi Thị Ph cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Thạch Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Phúc Lợi- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Vi Văn H có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H về sống chung như vợ chồng năm 2011 không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Trong những năm qua giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, xác định không thể chung sống lâu dài, chị P đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Đề góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiên bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ

quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...”; “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Thực tế trong vụ án này chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H về chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố chị P và anh H không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H có một cháu là Vi Thị Ph sinh ngày 16-01-2012. Khi ly hôn chị P muốn để anh H trực tiếp nuôi con. Trong biên bản lấy lời khai cháu Ph có nguyện vọng ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù không thể tham gia phiên hoà giải nhưng trong lời khai anh H cũng nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vi Thị Ph, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph cần ghi nhận.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[4] Về án phí: Do gia đình thuộc hộ nghèo, chị P có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thạch Thị P và anh Vi Văn H.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Vi Thị Ph sinh ngày 16-01-2012 cho anh Vi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Thạch Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 6 điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Thạch Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Thạch Thị P có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vi Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Duy Đô